

# LUẬN BÀN VỀ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ TỪ CHỐI CÔNG CHỨNG CỦA TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG TRONG LUẬT CÔNG CHỨNG NĂM 2014

● NGUYỄN NGỌC DIỆP - VÕ HỒNG LĨNH

## TÓM TẮT:

Bài viết nghiên cứu trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật điều chỉnh về nghĩa vụ từ chối công chứng của TCNHCC khi cung ứng dịch vụ công chứng đối các hợp đồng, giao dịch dân sự theo quy định tại Luật Công chứng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành trên cơ sở tham chiếu các quy định điều chỉnh chung về hợp đồng dịch vụ tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng pháp luật để đó xác định các vấn đề, vướng mắc còn tồn tại nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật.

**Từ khóa:** Quyền, nghĩa vụ, công chứng, tổ chức hành nghề công chứng, từ chối yêu cầu công chứng.

## 1. Mở đầu

Công chứng là một dịch vụ pháp lý đặc biệt có ý nghĩa quan trọng do các tổ chức hành nghề công chứng (TCNHCC) cung cấp nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức; ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Các TCNHCC có trách nhiệm công chứng theo yêu cầu của người yêu cầu công chứng và không có quyền từ chối yêu cầu công chứng mà không có lý do chính đáng. Ngược lại, trong các trường hợp luật định, TCNHCC cũng có trách nhiệm phải từ chối thực hiện công chứng. Việc không từ chối công chứng trong các trường hợp được luật quy định sẽ dẫn đến hệ quả văn bản công chứng có khả năng bị tuyên bố vô hiệu. Tuy nhiên, việc áp dụng và thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ từ chối công

chứng của các TCNHCC trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc.

Hiện nay theo Luật Công chứng năm 2014 (LCC 2014), các TCNHCC được thừa nhận có chức năng cung ứng DVCC bao gồm Phòng Công chứng và Văn phòng Công chứng được tổ chức và hoạt động theo quy định của LCC và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan<sup>1</sup>.

Là một loại hình dịch vụ đặc thù, dịch vụ công chứng (DVCC) và hợp đồng dịch vụ công chứng (Hợp đồng DVCC) không được quy định chi tiết tại Bộ luật dân sự năm 2005 (BLDS 2005)<sup>2</sup> hay Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015) mà nương phần điều chỉnh cho pháp luật điều chỉnh chuyên ngành về công chứng - Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành. Do vậy, hiện nay, các vấn đề trọng yếu về hợp đồng DVCC và quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng này

được điều chỉnh chi tiết bởi Luật Công chứng năm 2014<sup>3</sup> (LCC 2014) và các văn bản hướng dẫn thi hành như các quyền thu phí công chứng, thù lao công chứng, chi phí khác; quyền cung cấp dịch vụ công chứng ngoài ngày, giữ làm việc của cơ quan hành chính nhà nước để đáp ứng nhu cầu công chứng của nhân dân; quyền được khai thác, sử dụng thông tin từ cơ sở dữ liệu công chứng<sup>4</sup> hoặc các nghĩa vụ như nghĩa vụ quản lý công chứng viên hành nghề tại tổ chức mình trong việc tuân thủ pháp luật và quy tắc đạo đức hành nghề công chứng; chấp hành quy định của pháp luật về lao động, thuế, tài chính, thống kê; thực hiện chế độ làm việc theo ngày, giờ làm việc của cơ quan hành chính nhà nước; niêm yết lịch làm việc, thủ tục công chứng, nội quy tiếp người yêu cầu công chứng, phí công chứng, thù lao công chứng và chi phí khác tại trụ sở của tổ chức mình; mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho công chứng viên của tổ chức mình; lập sổ công chứng và lưu trữ hồ sơ công chứng<sup>5</sup>; quyền và nghĩa vụ từ chối công chứng<sup>6</sup>.

Đồng thời, các các quyền và nghĩa vụ cơ bản của TCHNCC như một bên cung cấp dịch vụ trong hợp đồng dịch vụ vẫn áp dụng theo các quy định chung về hợp đồng dịch vụ tại BLDS. Theo BLDS 2015, bên cung ứng dịch vụ - các TCHNCC có đầy đủ các quyền cơ bản của một bên cung ứng dịch vụ, gồm quyền yêu cầu bên sử dụng dịch vụ cung cấp thông tin, tài liệu và phương tiện để thực hiện công việc; quyền yêu cầu bên sử dụng dịch vụ trả tiền dịch vụ; quyền được thay đổi điều kiện dịch vụ vì lợi ích của bên sử dụng dịch vụ mà không nhất thiết phải chờ ý kiến của bên sử dụng dịch vụ, nếu việc chờ ý kiến sẽ gây thiệt hại cho bên sử dụng dịch vụ, nhưng phải báo ngay cho bên sử dụng dịch vụ<sup>7</sup>. Tương ứng, TCHNCC cũng có các nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ như nghĩa vụ thực hiện công việc đúng chất lượng, số lượng, thời hạn, địa điểm và thỏa thuận khác; nghĩa vụ không được giao cho người khác thực hiện thay công việc nếu không có sự đồng ý của bên sử dụng dịch vụ; nghĩa vụ bảo quản và phải giao lại cho bên sử dụng dịch vụ tài liệu và phương tiện được giao sau khi hoàn thành công việc; nghĩa vụ báo ngay cho bên sử dụng dịch vụ về việc thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện không bảo đảm chất lượng để hoàn thành công việc; nghĩa vụ giữ bí mật thông tin mà mình biết

được trong thời gian thực hiện công việc, nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định; nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bên sử dụng dịch vụ, nếu làm mất, hư hỏng tài liệu, phương tiện được giao hoặc tiết lộ bí mật thông tin<sup>8</sup>.

Có thể thấy, xuất phát từ đối tượng của hợp đồng là một loại hình dịch vụ đặc thù, các chủ thể của hợp đồng DVCC có đặc điểm riêng biệt so với các loại hợp đồng khác và từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của các chủ thể này. Về cơ bản, bên cung ứng dịch vụ và bên sử dụng DVCC có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của được quy định tại BLDS nêu trên, đồng thời còn mang những nghĩa vụ khác do các quy phạm pháp luật chuyên ngành về công chứng ghi nhận mà một quyền và nghĩa vụ đặc thù của các TCHNCC là có quyền và nghĩa vụ từ chối cung ứng DVCC.

## **2. Quyền và nghĩa vụ từ chối cung ứng DVCC của tổ chức hành nghề công chứng**

Mặc dù trong quan hệ dân sự, hợp đồng được giao kết, xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí của các bên nhưng với bản chất DVCC là một dịch vụ công và các TCHNCC thực hiện dịch vụ trên cơ sở sự ủy nhiệm của nhà nước nên quyền tự do ý chí trong việc lựa chọn chủ thể giao kết hợp đồng của các TCHNCC bị giới hạn. Theo đó, tiêu chí gần như duy nhất để các TCHNCC chấp thuận hoặc từ chối cung ứng thực hiện DVCC là yêu cầu công chứng được bên yêu cầu đưa ra có thuộc phạm vi công chứng mà pháp luật trao cho TCHNCC này hay không. Nói cách khác, TCHNCC không có quyền chủ động lựa chọn hay từ chối một yêu cầu công chứng bất kỳ ngoài các trường hợp mà luật cho phép.

Về cơ bản, TCHNCC sẽ không được phép từ chối yêu cầu công chứng mà không có lý do chính đáng<sup>9</sup>. Mặc dù không có quyền lựa chọn đối tượng giao kết HDDVCC, nhưng bên cung ứng DVCC lại có quyền và nghĩa vụ phải từ chối nhận vụ việc của khách hàng trong những trường hợp do pháp luật quy định. Từ chối cung ứng DVCC là một nghĩa vụ và cũng là quyền đối với TCHNCC, bởi pháp luật quy định TCHNCC phải bồi thường thiệt hại cho NYCC và cá nhân, tổ chức khác do lỗi mà CCV của tổ chức mình gây ra trong quá trình công chứng. CCV gây thiệt hại phải hoàn trả lại một khoản tiền cho THNCC đã chi trả khoản tiền bồi thường cho người bị thiệt

hại theo quy định của pháp luật; trường hợp không hoàn trả thì TCHNCC có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết<sup>10</sup>.

Pháp luật về công chứng quy định trong các trường hợp sau TCHNCC có quyền và nghĩa vụ từ chối nhận vụ việc công chứng:

*Thứ nhất*, khi yêu cầu công chứng không thuộc thẩm quyền của TCHNCC. TCHNCC không được công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ (trường hợp công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất động sản và văn bản ủy quyền liên quan đến việc thực hiện các quyền đối với bất động sản<sup>11</sup>). Chính vì vậy, khi có yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản ngoài phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi TCHNCC đặt trụ sở, TCHNCC có trách nhiệm phải từ chối.

*Thứ hai*, từ chối công chứng khi mục đích và nội dung của HĐ/GD yêu cầu công chứng vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội<sup>12</sup>. TCHNCC, CCV có nghĩa vụ từ chối công chứng khi mục đích và nội dung của hợp đồng, giao dịch yêu cầu công chứng vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội, và phải giải thích rõ lý do cho người yêu cầu công chứng<sup>13</sup>.

*Thứ ba*, khi có mối quan hệ với khách hàng làm tiềm ẩn nguy cơ không trung thực, khách quan<sup>14</sup>. Cụ thể, một trong những điều cấm cơ bản của LCC 2014 là công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi. Quy định này đồng thời cũng được ghi nhận tại Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng: "trong mối quan hệ với NYCCC, CCV không được công chứng các HĐ/GD có liên quan về mặt lợi ích giữa CCV và NYCCC"<sup>15</sup>.

Nghĩa vụ từ chối giao kết HĐDVCC là một trong những đặc thù của DVCC, xuất phát từ kết quả của dịch vụ này là một sự xác nhận có giá trị pháp lý cao, có giá trị chứng cứ<sup>16</sup>. Chính vì vậy, TCHNCC không được phép giao kết HĐDVCC hay nói cách khác là thực hiện việc công chứng,

mặc dù trên thực tế có thể họ đã tiếp nhận hồ sơ công chứng và đã thực hiện một hoặc nhiều các thủ tục, công việc nhằm thực hiện việc công chứng hoặc sẽ dẫn đến văn bản công chứng có khả năng bị tuyên bố vô hiệu.

**3. Thực trạng pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ từ chối cung ứng DVCC của tổ chức hành nghề công chứng**

Từ chối công chứng được ghi nhận ở tư cách cả về là một quyền và là một nghĩa vụ của TCHNCC bởi việc thực hiện công chứng trong các trường hợp không được luật cho phép sẽ dẫn đến văn bản công chứng bị vô hiệu, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên yêu cầu công chứng và TCHNCC. Tuy vậy, việc thực hiện quyền và nghĩa vụ này trên thực tế vẫn còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc:

*Thứ nhất*, trường hợp TCHNCC phải từ chối cung ứng DVCC trong trường hợp mục đích và nội dung của hợp đồng, giao dịch vi phạm pháp luật<sup>17</sup>. Đây là sự tương thích giữa LCC 2014 tại thời điểm được soạn thảo, ban hành so với quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự tại BLDS 2005: "Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội"<sup>18</sup>. Tuy vậy, xuất phát chế định "vi phạm pháp luật" có nội hàm rộng và khó xác định cụ thể bởi theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015<sup>19</sup> thì phạm vi các văn bản quy phạm pháp luật hàm từ cả các văn bản như Hiến pháp, Bộ luật, luật, Nghị định, Thông tư,... đến các văn bản do các cơ quan quyền lực, hành chính địa phương ban hành như Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Vì vậy, việc xác định một giao dịch có mục đích, nội dung vi phạm một trong tất cả các loại văn bản quy phạm pháp luật nêu trên, hành chính địa phương ban hành là vấn đề không dễ dàng. Vì vậy, BLDS 2015 đã điều chỉnh theo điểm c Khoản 1 Điều 117 BLDS 2015 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định: "Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội". Tức phạm vi xác định được thu hẹp từ "vi phạm điều cấm của pháp luật" thành "vi phạm điều cấm của luật".

Dù vậy, nội dung thay đổi nêu trên vẫn chưa được sửa đổi tại LCC 2014 dẫn đến sự mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật và từ đó gây sự khó khăn cho các TCHNCC trong việc xác định nghĩa vụ từ chối khi nhận được các yêu cầu công chứng.

*Thứ hai*, đối với trường hợp CCV, TCHNCC phải có nghĩa vụ từ chối công chứng khi nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi theo quy định LCC 2014<sup>20</sup> và cả Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng<sup>21</sup>.

Theo đó, nhằm đảm bảo sự khách quan, vô tư khi công chứng, các CCV sẽ phải từ chối công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ hoặc chồng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông, bà; anh chị em ruột, anh chị em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi của CCV. Tuy nhiên, không giống với các CCV, TCHNCC là một pháp nhân vì vậy việc xác định thế nào là người thân thích của pháp nhân này là vấn đề còn bị LCC 2014 bỏ ngỏ và chưa có căn cứ để xác định cụ thể.

#### **4. Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ từ chối cung ứng DVCC của tổ chức hành nghề công chứng**

Nhằm đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cả TCHNCC và bên yêu cầu công chứng, việc hoàn thiện pháp luật về hoàn thiện quyền và nghĩa vụ từ chối cung ứng DVCC của TCNHCC và một yêu cầu cấp thiết. Vì vậy, tác giả đề xuất việc sửa đổi bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ từ chối cung ứng DVCC của TCNHCC như sau:

*Thứ nhất*, đối với quy định về việc TCHNCC phải từ chối cung ứng DVCC trong trường hợp mục đích và nội dung của hợp đồng, giao dịch vi phạm pháp luật<sup>22</sup>. Cần cập nhật lại quy định này nhằm đảm bảo sự tương thích với quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo

BLDS năm 2015 bằng giới hạn “vi phạm luật” thay vì “vi phạm pháp luật” như hiện nay. Theo đó, quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 LCC 2014 nên được sửa đổi thành: “b) Thực hiện công chứng trong trường hợp mục đích và nội dung của hợp đồng, giao dịch, nội dung bản dịch vi phạm luật, trái đạo đức xã hội”;

*Thứ hai*, đối với quy định về việc TCHNCC phải có nghĩa vụ từ chối công chứng khi nhận được yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích theo quy định LCC 2014<sup>23</sup> nên được sửa đổi theo hướng xác định các nhóm người liên quan theo quy định tương ứng tại Luật Doanh nghiệp năm 2014<sup>24</sup> có sự sửa đổi bổ sung tương ứng với đặc thù về tổ chức của TCHNCC. Theo đó, quy định về các hành vi bị nghiêm cấm đối với công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 LCC 2014 nên được sửa đổi thành: “b) Công chứng hợp đồng, giao dịch, bản dịch có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người có liên quan”.

Người có liên quan của CCV, TCNHCC là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với CCV, TCHNCC trong các trường hợp sau đây:

- a) Người có thẩm quyền bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với người quản lý hoặc CCV của TCNHCC;
- b) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của TCHNCC;
- d) Người quản lý TCNHCC;
- d) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý TCNHCC hoặc của CCV của TCNHCC.

#### **5. Kết luận**

Với những nghiên cứu về lý luận và thực tiễn pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ từ chối của TCNHCC trong việc thực hiện dịch vụ công chứng nêu trên cùng với việc nghiên cứu hoàn thiện pháp luật nhằm giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ công chứng tại TCHNCC sẽ tạo một hành lang pháp lý an toàn, vững chắc cho các bên khi tham gia vào các giao dịch, hợp đồng ■

**TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:**

<sup>1</sup>Khoản 5 Điều 2 LCC 2014

<sup>2</sup>Đã hết hiệu lực kể từ ngày 01/7/2017

<sup>3</sup>Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015

<sup>4</sup>Xem Điều 32 LCC 2014

<sup>5</sup>Xem Điều 33 LCC 2014

<sup>6</sup>Xem Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 7 và Điểm d Khoản 1 Điều 17 LCC 2014

<sup>7</sup>Xem Điều 518 BLDS 2015

<sup>8</sup>Xem Điều 517 BLDS 2015

<sup>9</sup>Điểm d Khoản 1 Điều 7 LCC 2014

<sup>10</sup>Xem Điều 36 LCC 2014

<sup>11</sup>Điều 42 LCC 2014

<sup>12</sup>Điểm b Khoản 1 Điều 7 LCC 2014

<sup>13</sup>Xem Điểm d Khoản 1 Điều 17 LCC 2014

<sup>14</sup>Xem Điểm c Khoản 1 Điều 7 LCC 2014

<sup>15</sup> Xem Khoản 7 Điều 9 Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng

<sup>16</sup>Xem Khoản 3 Điều 5 của LCC 2014 như sau: "3. Hợp đồng, giao dịch được công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu" hoặc Điểm c Khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "c) Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp; trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ tính khách quan của những tình tiết, sự kiện này hoặc tính khách quan của văn bản công chứng, chứng thực thì Thẩm phán có thể yêu cầu đương sự, cơ quan, tổ chức công chứng, chứng thực xuất trình bản gốc, bản chính."

<sup>17</sup>Xem Điểm b Khoản 1 Điều 7 LCC 2014

<sup>18</sup>Xem Điểm b Khoản 1 Điều 122 BLDS 2005

<sup>19</sup>Xem Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

<sup>20</sup>Xem Điểm c Khoản 1 Điều 7 LCC 2014

<sup>21</sup>Xem Khoản 7 Điều 9 Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng

<sup>22</sup>Xem Điểm b Khoản 1 Điều 7 LCC 2014

<sup>23</sup>Xem Điểm c Khoản 1 Điều 7 LCC 2014

<sup>24</sup>Xem Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Luật Công chứng năm 2014

2. Bộ luật Dân sự năm 2005

3. Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Luật Doanh nghiệp năm 2014

Ngày nhận bài: 20/3/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 30/3/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 9/4/2019

*Thông tin tác giả:*

ThS. Luật sư NGUYỄN NGỌC DIỆP

ThS. VÕ HỒNG LĨNH

Trưởng Đại học Tây Đô

## THE OBLIGATION TO REFUSE NOTARIZATION REQUESTS OF NOTARIAL PRACTICE ORGANIZATIONS ACCORDING TO THE LAW ON NOTARIZATION IN 2014

● Master. NGUYEN NGOC DIEP

● Master. VO HONG LINH

Tay Do University

### ABSTRACT:

By analyzing legal provisions governing the obligation to refuse notarization requests of notarial practice organizations when providing notary services for civil contracts and transactions in accordance with the Law on Notarization in 2014 and guiding legal documents on the basis of referring to general regulations on service contracts at the Civil Code in 2015 as well as the practical application of laws, this article is to identify related problems propose solutions to improve the effectiveness of the Law on Notarization in 2014.

**Keywords:** Rights, obligations, notary, Notarial practice organizations, refusing notarization requests.